

Bản án số: 20/2020/HSST

Ngày: 28/4/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đới Văn Trinh

2. Ông Phạm Phúc Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2020/HSST, ngày 09/3/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HS ngày 25/3/2020 đối với bị cáo:

Bùi Đức T, sinh năm 1979 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Tiền sự: Không; Tiền án: 03 tiền án:

- Bản án số 21/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo T 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” trị giá tài sản chiếm đoạt là 11.620.000đ;

- Bản án số 26/2018/HS-ST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh xử phạt bị cáo T 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” trị giá tài sản chiếm đoạt là 5.970.000đ;

- Bản án số 55/2019/HS-ST ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo T 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” trị

giá tài sản chiếm đoạt là 7.000đ. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/12/2019.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05-QĐ/XPVPHC ngày 08/8/2011 của Trưởng công an phường V xử phạt Bùi Đức T 1.000.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 09/8/2011, T đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/01/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

* *Người bị hại:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: KDC T1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952;

Địa chỉ: KDC T1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954;

Địa chỉ: KDC T3, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 06/01/2020, Bùi Đức T (có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”) mượn chiếc xe đạp màu hồng, không rõ nhãn hiệu của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L để đi đến Công an phường S trình diện (do T mới chấp hành xong án phạt tù). Khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, T đi đến khu đô thị V, quan sát thấy tại vị trí vỉa hè trước cửa hàng bán hoa, cây cảnh của bà Nguyễn Thị H, bà H có dựng 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu TIFANNY màu xanh, gắn ghế ngồi trẻ em dạng đôi ở phía sau xe. T quan sát xung quanh không thấy ai và thấy chiếc xe còn mới nên đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe về làm phương tiện đi lại. T tiến lại gần chiếc xe đạp của bà H, dựng chiếc xe đạp của T đang đi ở dưới lòng đường, sau đó, T tiến gần đến chiếc xe đạp màu xanh của bà H, ngồi lên xe và đạp xe đi về hướng chợ S. Khi đi được khoảng 200m thì T bị lực lượng Công an phường S phát hiện bắt giữ. Thu giữ 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu TIFANNY màu xanh, gắn ghế ngồi trẻ em dạng đôi ở phía sau xe; 01 chiếc xe đạp màu hồng, không rõ nhãn hiệu.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KLĐGTS ngày 07/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố C kết luận:

- 01 xe đạp, nhãn hiệu: TIFANNY, màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 06/01/2020 có giá 300.000đ.

- 01 ghế ngồi trẻ em gắn xe đạp, màu xanh, dạng đôi, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 06/01/2020 có giá 50.000đ.

Tổng giá trị tài sản tại thời điểm định giá là 350.000đ.

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-CL ngày 04/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố Bùi Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Đức T từ 08 đến 11 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 07/01/2020; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết. Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Đức T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 06/01/2020, tại trước cửa hàng bán hoa, cây cảnh của bà Nguyễn Thị H ở khu dân cư T, phường S, thành phố C, Bùi Đức T (có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”) có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà H 01 chiếc xe đạp nhãn hiệu TIFANNY màu xanh, gắn ghế ngồi trẻ em dạng đôi ở phía sau xe. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 350.000đ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của cá nhân, gây mất trật tự và ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của bà H là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ lợi. Trước khi thực hiện hành vi này, bị cáo đã 03 lần bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 21/2017/HSST ngày 11/4/2017, Bản án số 26/2018/HS-ST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh và Bản án số 55/2019/HS-ST ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của các bản án nhưng chưa được xóa án tích. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, ngoài 03 lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo còn 01 lần bị Trưởng công an phường V xử phạt 1.000.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05-QĐ/XPVPHC ngày 08/8/2011. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo bị truy tố xét xử ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nhưng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt chỉ là 350.000đ, thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn; Ngoài ra, bị cáo có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự

bị cáo có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh đã trả lại chiếc xe đạp nhãn hiệu: TIFANNY, màu sơn xanh, gắn ghế ngồi trẻ em dạng đôi ở phía sau xe cho người bị hại là bà Nguyễn Thị H. Đối với chiếc xe đạp màu hồng, không rõ nhãn hiệu, là xe của bà Nguyễn Thị L, bà L không biết việc T sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà L. Việc xử lý vật chứng như vậy là phù hợp nên không đặt ra việc giải quyết trong giai đoạn xét xử.

[8] Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Bị hại là bà Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề dân sự và bồi thường, do vậy không đặt ra việc giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 07/01/2020.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

4. Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Đức T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Chí Linh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Giang